

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **18/4/2022**

V/v tranh chấp: “Ly hôn, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tống Văn Tư**
2. Ông **Huỳnh Văn Minh**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **18** tháng **4** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **266/2021/TLST-HNGĐ** ngày **26/4/2021** về việc tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **77A/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày **16/3/2022** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Khu Phố Cầu X, xã H, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Khu Phố Cầu X, xã H, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh **Nguyễn Chí Th**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Khu Phố Cầu X, xã H, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

2/ Chị **Đinh Thị Thúy D**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Khu Phố Cầu X, xã H, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

3/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Khu Phố Cầu X, xã H, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

4/ Chị **Võ Thị Bích N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

5/ Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp Khu Phố Cầu X, xã H, huyện Cái Bè, Tiền Giang.
(Chị H, anh T, chị D, ông C, chị N và bà Đ có mặt; anh Th vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/4/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị H với anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thành phố Mỹ Tho theo giấy đăng ký kết hôn số 007 ngày 09/01/1998. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 21/11/1997 và Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 16/12/1999, hiện 02 con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Có 02 chiếc xe tải biển số 63C-07433 do chị Nguyễn Thị Hồng H đứng tên và xe biển số 63C-05507 do anh Huỳnh Kim T đứng tên, khi ly hôn yêu cầu chia đôi tài sản này. Nhưng tại tòa chị H xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có nợ các chủ nợ sau:

+ Nợ ông Nguyễn Văn C số tiền vốn và lãi 102.550.000 đồng (trong đó vốn 70.000.000 đồng, lãi 32.550.000 đồng) ngày 30/5/2016 vay tiền để mua 02 chiếc xe tải.

+ Nợ chị Võ Thị Bích N số tiền 50.000.000 đồng tiền hụi vào năm 2018 cho đến nay chưa trả.

+ Nợ anh Nguyễn Chí Th số tiền 120.000.000 đồng tiền mượn vào ngày 27/5/2016.

+ Nợ chị Đinh Thị Thúy D số tiền 80.000.000 đồng tiền mượn vào 2018.

+ Nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền 80.000.000 đồng tiền mượn vào ngày 30/6/2016.

Nhưng tại tòa chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nợ chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

* Bị đơn Huỳnh Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và không có mặt tại phiên tòa.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 06/12/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 30/5/2016 vợ chồng H và T có vay ông C số tiền 200.000.000 đồng, lãi 1,5%/tháng để mua 02 xe tải, sau đó có trả 130.000.000 đồng còn nợ lại số tiền vốn và lãi 102.550.000 đồng (trong đó vốn 70.000.000 đồng, lãi 32.550.000 đồng) chưa trả, nay yêu cầu vợ chồng H và T trả số tiền này làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhưng tại tòa ông C xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 10/3/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí Th trình bày:

Từ năm 2016 – 2021 vợ chồng H và T có mượn anh Th số tiền 120.000.000 đồng cho đến nay chưa trả, nay yêu cầu vợ chồng H và T trả số tiền này làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhưng tại tòa anh Th xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 09/11/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Bích N trình bày:

Vào năm 2018 vợ chồng H và T có tham gia chơi hụi còn nợ số tiền hụi chết 50.000.000 đồng chưa trả, nay yêu cầu vợ chồng H và T trả số tiền này làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhưng tại tòa chị N xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 13/12/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Thúy D trình bày:

Vào năm 2018 vợ chồng H và T có mượn số tiền 80.000.000 đồng đến nay chưa trả, nay yêu cầu vợ chồng H và T trả số tiền này làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhưng tại tòa chị D xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai ngày 10/3/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 30/6/2016 vợ chồng H và T có mượn số tiền 80.000.000 đồng cho đến nay chưa trả, nay yêu cầu vợ chồng H và T trả số tiền này làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nhưng tại tòa bà Đ xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Huỳnh Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị H với anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thành phố Mỹ Tho theo giấy đăng ký kết hôn số 007 ngày 09/01/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh T quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét, sau khi chị H và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh T để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị H, nhưng anh T không có ý kiến gì và không có mặt tham gia các phiên hoà giải và tham dự phiên tòa, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Anh T không đến dự phiên tòa là anh mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 21/11/1997 và Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 16/12/1999, hiện 02 con chung đã thành niên có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Có 02 chiếc xe tải biển số 63C-07433 do chị Nguyễn Thị Hồng H đứng tên và xe biển số 63C-05507 do anh Huỳnh Kim T đứng tên, khi ly hôn yêu cầu chia đôi tài sản này. Nhưng tại tòa chị H xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét, việc rút yêu cầu này là tự nguyện không ai ép buộc không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn C, chị Võ Thị Bích N, anh Nguyễn Chí Th, chị Đinh Thị Thúy D và bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu vợ chồng chị H và anh T có nghĩa vụ trả nợ chung khi ly hôn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập. Xét, việc rút yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, chị Võ Thị Bích N, anh Nguyễn Chí Th, chị Đinh Thị Thúy D và bà Nguyễn Thị Đ là tự nguyện không ai ép buộc không

trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Huỳnh Kim Th.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Hồng H về việc yêu cầu anh Huỳnh Kim T chia 02 chiếc xe tải; chiếc xe tải biển số 63C-07433 do chị Nguyễn Thị Hồng H đứng tên và chiếc xe tải biển số 63C-05507 do anh Huỳnh Kim T đứng tên.

3. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ch, chị Võ Thị Bích N, anh Nguyễn Chí Th, chị Đinh Thị Thúy D và bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Kim T trả nợ chung cụ thể ông C yêu cầu trả vốn và lãi 102.550.000 đồng; chị N yêu cầu trả 50.000.000 đồng tiền hui; anh Th yêu cầu trả 120.000.000 đồng; chị D yêu cầu trả 80.000.000 đồng và bà Đ yêu cầu trả 80.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000621 và số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0000622 cùng ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên hoàn trả lại cho chị H số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 2.563.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001007 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Chí Th số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009415 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả lại cho chị Võ Thị Bích N số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000878 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả lại cho chị Đinh Thị Thúy D số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001036 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Do bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Chí Th, chị Đinh Thị Thúy D, chị Võ Thị Bích N và bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Huỳnh Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND Phường 2, TP. Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe